TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BUÔN ĐÔN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
"Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nông Thị Hảo và ông Nguyễn Đình Phượng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 28/02/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-DS ngày 21/02/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nông Thị N, sinh năm 1991. Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Bị đơn: Ông Triệu Văn P, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nông Thị N trình bày:* Bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/6/2010. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có một con chung. Tuy nhiên, đến năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống và không có sự tôn trọng với nhau. Hiện nay bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P đã sống ly thân và không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Bà Nông Thị N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, bà Nông Thị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn đối với ông Triệu Văn P.

Về con chung: Quá trình chung sống bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P có một con chung: Cháu Triệu Thị Anh T, sinh ngày 07/02/2013. Hiện nay cháu T đang ở cùng ông Triệu Văn P tại Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nông Thị N tôn trọng ý kiến của cháu Triệu Thị Anh T, trường hợp cháu Triệu Thị Anh T có nguyện vọng muốn ở cùng với ông Triệu Văn P. Bà Nông Thị N đồng ý giao cháu Triệu Thị Anh T cho ông Triệu Văn P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà Nông Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Triệu Văn P mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số: 207/TB-TLVA, ngày 06/10/2022. Nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, cũng không có yêu cầu phản tố. Ngoài ra, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số: 01/TB-TA, ngày 02/11/2022; Thông báo về phiên hòa giải số: 02/TB-TA, ngày 16/01/2023. Tuy nhiên, ông Triệu Văn P vắng mặt không có lý do, nên không thể tiến hành hòa giải được, cũng không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P. Qua xác minh, đại diện chính quyền địa phương và Chi hội phụ nữ của thôn cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P có mâu thuẫn với nhau. Hiện nay ông P và bà N đã sống ly thân. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng bà Nông Thị N vẫn nhất quyết xin được ly hôn với ông Triệu Văn P nên hoà giải không thành. Do đó căn cứ Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn ông Triệu Văn P vắng mặt là vi phạm về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nông Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị N được ly hôn với ông Triệu Văn P.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Triệu Thị Anh T, sinh ngày 07/02/2013 cho ông Triệu Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu Văn P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Nông Thị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Triệu Văn P cư trú tại Thôn 11, xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Triệu Văn P nhưng ông Triệu Văn P vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B vào ngày 08/06/2010. Quá trình chung sống giữa bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P sống ly thân và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nông Thị N được ly hôn với ông Triệu Văn P.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P có 01 (một) con chung: Cháu Triệu Thị Anh T, sinh ngày 07/02/2013.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/10/2022, cháu Triệu Thị Anh T trình bày: Cháu Thư đang học lớp 4A tại trường tiểu học K thuộc xã C, huyện B, cháu Thư có nguyện vọng muốn ở cùng với ông Triệu Văn P để thuận lợi trong việc học tập và sinh hoạt hằng ngày.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".*

Hội đồng xét xử xét thấy: Qua xác minh tại địa phương và phần trình bày của đương sự thì cháu Triệu Thị Anh T hiện nay đang sinh sống cùng với ông Triệu Văn P tại Thôn 11, xã C, huyện B và nguyện vọng của cháu Triệu Thị Anh T muốn được ở cùng với ông Triệu Văn P để thuận lợi trong việc sinh hoạt và đi học.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn ông Triệu Văn P. Tuy nhiên, ông Triệu Văn P đang sinh sống tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì về việc khởi kiện của nguyên đơn và nuôi con chung. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nông Thị N đồng ý giao cháu Triệu Thị Anh T cho ông Triệu Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Triệu Thị Anh T cho ông Triệu Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Triệu Thị Anh T đủ 18 tuổi.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nông Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nông Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nông Thị N được ly hôn với Triệu Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Anh T, sinh ngày 07/02/2013 cho ông Triệu Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Triệu Thị Anh T đủ 18 tuổi.

Bà Nông Thị N có quyền thăm nom con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nông Thị N và ông Triệu Văn P không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nông Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019122 ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Nông Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Triệu Văn P vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã C, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long